

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

State of Washington, Plaintiff,
Tiểu Bang Washington, Nguyên Đơn,
vs.
kiện

_____,
Defendant. DOB _____
Bị Đơn. Ngày Sinh _____
PCN: _____
PCN: _____
SID: _____
SID: _____

No.
Số

**Order on Motion to Vacate Record of
Felony Conviction**
**Lệnh Kiến Nghị Hủy Bỏ Hồ Sơ Kết Án
Trọng Tội**

☐ **Granted (ORVCJG)**
Được chấp nhận (ORVCJG)

☐ **Denied (ORDYMT)**
Bị từ chối (ORDYMT)

Clerk's Action Required: 14
Việc Lục Sự Cần Làm: 14

This matter comes before the court on defendant's motion for an order vacating record of felony conviction pursuant to RCW 9.94A.640. The court heard argument of the parties and considered the case records and files, and the pleadings submitted on the matter.

Vấn đề này được đưa ra trước tòa án theo kiến nghị của bị đơn để xin lệnh hủy bỏ hồ sơ kết án trọng tội theo RCW 9.94A.640. Tòa án đã lắng nghe luận cứ của các đương sự và xem xét hồ sơ và tài liệu vụ án, và các văn bản tố tụng được đệ trình về vấn đề này.

The Court makes the following findings:

Tòa Án đưa ra phán quyết sau đây:

1. Notice ☐ was ☐ was not given to the appropriate parties and agencies.
Thông báo ☐ đã ☐ đã không được gửi đến các đương sự và cơ quan thích hợp.
2. On (date) _____ defendant was convicted of the following offense(s):
Vào (ngày) _____ bị đơn đã bị kết án (các) tội danh sau đây:
Count: _____ Offense (include degree): _____ RCW _____
Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ): _____ RCW _____
Count: _____ Offense (include degree): _____ RCW _____
Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ): _____ RCW _____
Count: _____ Offense (include degree): _____ RCW _____
Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ): _____ RCW _____
Count: _____ Offense (include degree): _____ RCW _____

3. **Prohibited Offenses**
Tội Danh Bị Nghiêm Cấm

The defendant was **not** convicted of one of the following offenses:
Bị đơn đã **không** bị kết án một trong các tội danh sau đây:

- A class A felony;
Một trọng tội cấp A;
- A violent offense as defined in RCW 9.94A.030;
Một tội bạo hành được quy định trong RCW 9.94A.030;
- Driving under the influence (RCW 46.61.592);
Lái xe dưới sự ảnh hưởng (RCW 46.61.592);
- Physical control of vehicle while under the influence (RCW 46.61.504);
Kiểm soát xe cộ về mặt vật lý khi dưới sự ảnh hưởng (RCW 46.61.504);
- A crime against a person as defined in RCW 43.43.830 except one of the following crimes that did **not** include a firearm, deadly weapon, or sexual motivation enhancement:
Tội ác chống lại con người được quy định trong RCW 43.43.830, ngoại trừ một trong những tội ác sau đây không bao gồm súng đạn, vũ khí gây chết người hoặc tăng cường động cơ tình dục:
 - Assault in the second degree (RCW 9A.36.021)
Tấn công cấp hai (RCW 9A.36.021)
 - Assault in the third degree (RCW 9A.36.031) when not committed against a law enforcement officer or peace officer
Tấn công cấp ba (RCW 9A.36.031) khi không được phạm tội chống lại viên chức thực thi pháp luật hoặc nhân viên bảo vệ hòa bình
 - Robbery in the second degree (RCW 9A.56.210)
Ăn cướp cấp hai (RCW 9A.56.210)

4. Defendant [] was [] was not discharged under RCW 9.94A.637, effective (date) _____ for the offenses listed in paragraph 2.
Bị đơn [-] đã [-] đã không được tha theo RCW 9.94A.637, có hiệu lực (ngày) _____ đối với các tội danh được liệt kê ở đoạn 2.

5. **Current Criminal Charges**
Các Cáo Buộc Hình Sự Hiện Tại

- [] There are no criminal charges pending against the defendant in any court of this state or another state, or in any federal court (RCW 9.94A.640(2)(a)).
Không có cáo buộc hình sự nào đang chờ xử lý đối với bị đơn tại bất kỳ tòa án tiểu bang này hay một tiểu bang khác nào, hoặc trong bất kỳ tòa án liên bang nào (RCW 9.94A.640(2)(a)).
- [] The only criminal charge pending against the defendant is for prostitution.
Cáo buộc hình sự duy nhất đang chờ xử lý đối với bị đơn là dành cho tội mại dâm.

6. **Criminal History Check**
Kiểm Tra Tiền Án

- [] The defendant committed a class B felony and [] has [] has not been convicted of any new crime in this state, another state, or federal court in the last 10 years (RCW 9.94A.640(2)(c)).

Bị đơn đã phạm trọng tội cấp B và [-] đã bị [-] đã không bị kết án bất kỳ tội mới nào tại tòa án tiểu bang này, tòa án một tiểu bang khác hoặc tòa án liên bang nào trong 10 năm qua (RCW 9.94A.640(2)(c)).

[] The defendant committed a class C felony and [] has [] has not been convicted of any new crime in this state, another state, or federal court in the last 5 years (RCW 9.94A.640(2)(d)).

Bị đơn đã phạm trọng tội cấp C và [-] đã bị [-] đã không bị kết án bất kỳ tội mới nào tại tòa án tiểu bang này, tòa án một tiểu bang khác hoặc tòa án liên bang nào trong 5 năm qua (RCW 9.94A.640(2)(d)).

The following records were used in the criminal history check:

Các hồ sơ sau đây đã được sử dụng để kiểm tra tiền án:

[] Washington State Crime Information Center (WACIC), RCW 43.43.500 et seq.;
Washington State Crime Information Center (WACIC), RCW 43.43.500 và tiếp theo;

[] National Crime Information Center (NCIC), including the Interstate Identification Index (Triple I), 28 U.S.C. Section 534;
National Crime Information Center (NCIC), bao gồm Chỉ Số Nhận Dạng Liên Tiểu Bang (Triple I), 28 U.S.C. Mục 534;

[] Judicial Information System (JIS), RCW 2.68 et seq. and JISCR.
Judicial Information System (JIS), RCW 2.68 và tiếp theo và JISCR.

[] Other: _____
Khác:

7. Time Since Conviction or Release

Thời Gian Kể Từ Khi Kết Án hoặc Phóng Thích

[] The defendant was convicted of a class B felony and it has been at least 10 years since the later of the defendant's: a) release from community custody; b) release from full and partial confinement; or c) sentencing date (RCW 9.94A.640(2)(e)).

Bị đơn đã bị kết án trọng tội cấp B và ít nhất 10 năm đã trôi qua kể từ lúc sau ngày mà bị đơn: a) được phóng thích khỏi nơi giam giữ của cộng đồng; b) được phóng thích khỏi nơi giam giữ toàn phần và một phần; hoặc c) ngày tuyên án (RCW 9.94A.640(2)(e)).

[] The defendant was convicted of a class C felony and it has been at least 5 years since the later of the defendant's: a) release from community custody; b) release from full and partial confinement; or c) sentencing date (RCW 9.94A.640(2)(f)).

Bị đơn đã bị kết án trọng tội cấp C và ít nhất 5 năm đã trôi qua kể từ lúc sau ngày mà bị đơn: a) được phóng thích khỏi nơi giam giữ của cộng đồng; b) được phóng thích khỏi nơi giam giữ toàn phần và một phần; hoặc c) ngày tuyên án (RCW 9.94A.640(2)(f)).

[] The defendant is a victim of domestic violence, sex trafficking, prostitution, commercial sexual abuse of a minor, or sexual assault. The offense the defendant is trying to vacate is not the offense of promoting prostitution as described in RCW 9A.88.070 and 9A.88.080

Bị đơn là nạn nhân của bạo hành gia đình, buôn bán tình dục, mại dâm, lạm dụng tình dục trẻ vị thành niên vì mục đích thương mại hoặc tấn công tình dục. Tội danh mà bị đơn đang cố gắng hủy bỏ không phải là tội khuyến khích mại dâm như được quy định trong RCW 9A.88.070 và 9A.88.080

8. Mitigation and Release
Giảm Nhẹ và Phóng Thích

- ☐ The defendant's mitigating evidence or evidence of rehabilitation was
Bằng chứng giảm nhẹ hoặc bằng chứng phục hồi của bị đơn là
☐ persuasive ☐ not persuasive because _____
có sức thuyết phục [-] không có sức thuyết phục bởi vì
- _____.
- ☐ The defendant presented no mitigating evidence or evidence of rehabilitation.
Bị đơn không đưa ra được bằng chứng giảm nhẹ hoặc bằng chứng phục hồi.

The court orders:

Tòa án lệnh:

- 9.** The motion for order vacating conviction records of the following offense is ☐ granted
☐ denied.

*Kiến nghị xin lệnh hủy bỏ hồ sơ kết án tội danh sau đây là [-] được chấp nhận
[-] bị hủy bỏ.*

Count: _____ Offense (include degree): _____	RCW _____
<i>Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ):</i>	<i>RCW</i>
Count: _____ Offense (include degree): _____	RCW _____
<i>Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ):</i>	<i>RCW</i>
Count: _____ Offense (include degree): _____	RCW _____
<i>Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ):</i>	<i>RCW</i>
Count: _____ Offense (include degree): _____	RCW _____
<i>Điểm buộc tội: Tội danh (bao gồm cấp độ):</i>	<i>RCW</i>

If granted, the court further orders that:

Nếu được chấp nhận, tòa án sẽ ra lệnh thêm rằng:

- 10.** ☐ The defendant's guilty plea for every offense listed in section **9** is withdrawn and a not guilty plea is entered.
Lời nhận tội của bị đơn đối với mọi tội danh được liệt kê trong mục 9 sẽ được rút lại và lời nhận tội không được đưa ra.

Or
Hoặc

- ☐ The guilty verdict for every offense listed in section **9** is set aside.
Bản án có tội đối với mọi tội danh được liệt kê trong mục 9 đều bị loại bỏ.

- 11.** The information or indictment for every offense listed in section **9** is dismissed.
Thông tin hoặc cáo trạng đối với mọi tội danh được liệt kê trong mục 9 đều bị bác bỏ.
- 12.** The defendant shall be released from all penalties and disabilities resulting from every offense listed in section **9** and the conviction for those offense(s) shall not be included in the defendant's criminal history for purposes of determining a sentence in any subsequent conviction. However, the conviction may be used in a later criminal prosecution. A conviction vacated on or after July 28, 2019, qualifies as a prior conviction for the purpose of charging a present recidivist offense occurring on or after that date, and may be used to establish an ongoing pattern of abuse for purposes of RCW 9.94A.535.

Bị đơn sẽ được thoát khỏi tất cả hình phạt và khuyết tật phát sinh từ mọi tội danh được liệt kê trong mục 9 và kết án về các tội danh đó sẽ không được đưa vào tiền án của bị đơn vì mục đích xác định bản án trong bất kỳ sự kết án nào sau đó. Tuy nhiên, sự kết án có thể được sử dụng trong quá trình truy tố hình sự sau này. Một kết án bị hủy bỏ vào hoặc sau ngày 28 Tháng Bảy, 2019, được coi là một kết án trước đó vì mục đích cáo buộc một tội tái phạm hiện tại đang xảy ra vào hoặc sau ngày đó, và có thể được sử dụng để thiết lập một mô hình lạm dụng đang diễn ra vì mục đích của RCW 9.94A.535.

13. This order does not affect the separate legal requirements for restoring a right to possess a firearm under RCW 9.41.040.
Lệnh này không ảnh hưởng đến các yêu cầu pháp lý riêng biệt để phục hồi quyền sở hữu súng theo RCW 9.41.040.
14. For all purposes, including responding to questions on employment applications, the defendant may state that they were never convicted of the offenses listed in section 9.
Vì tất cả các mục đích, bao gồm việc trả lời các câu hỏi về đơn xin việc, nên bị đơn có thể nêu rõ rằng họ chưa bao giờ bị kết án về các tội danh được liệt kê trong mục 9.
15. The clerk shall immediately transmit a copy of this order to Washington State Patrol and to (local law enforcement agency) _____ which agencies shall immediately update their records to reflect the vacation of the record of conviction of the offense(s) listed in section 9. The Washington State Patrol shall transmit a copy of this order to the Federal Bureau of Investigation. The Washington State Patrol or local law enforcement agency may not disseminate or disclose a conviction that has been vacated under RCW 9.94A.640 to any person, except to other criminal justice enforcement agencies.
Lục sự sẽ ngay lập tức chuyển một bản sao của lệnh này cho Đội Tuần Tra Tiểu Bang Washington (Washington State Patrol) và cho (cơ quan thực thi pháp luật địa phương) cơ quan nào sẽ ngay lập tức cập nhật hồ sơ của mình để phản ánh việc hủy bỏ hồ sơ kết án (các) tội danh được liệt kê trong mục 9. Đội Tuần Tra Tiểu Bang Washington sẽ chuyển một bản sao của lệnh này tới Cục Điều Tra Liên Bang. Đội Tuần Tra Tiểu Bang Washington hoặc cơ quan thực thi pháp luật địa phương có thể không phổ biến hoặc tiết lộ kết án đã bị hủy bỏ theo RCW 9.94A.640 cho bất kỳ người nào, ngoại trừ các cơ quan thực thi tư pháp hình sự khác.

Dated: _____
Đề ngày: _____

Judge
Thẩm Phán

Prosecuting Attorney WSBA No.
Ủy Viên Công Tố WSBA Số

Defendant/Defendant's Attorney WSBA No.
Bị Đơn/Luật Sư Của Bị Đơn WSBA Số

Print Name
Tên Viết In

Print Name
Tên Viết In